

Số: *72*/2008/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày *3* tháng *9* năm 2008

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
về dự trữ quốc gia đối với nhà bạt cứu sinh loại nhẹ”

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Pháp lệnh Dự trữ quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 196/2004/NĐ-CP ngày 02/12/2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Dự trữ quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Dự trữ quốc gia,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dự trữ quốc gia đối với nhà bạt cứu sinh loại nhẹ”.

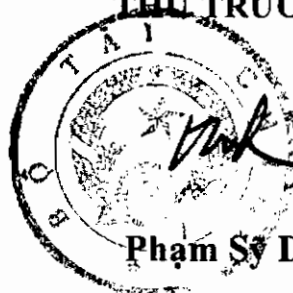
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau sáu tháng, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Cục trưởng Cục Dự trữ quốc gia, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc quản lý, nhập, xuất và bảo quản nhà bạt cứu sinh loại nhẹ dự trữ quốc gia chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *DTV*

Nơi nhận:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Các cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Viện KSNDTC;
- Tòa án NDTC;
- Kiểm toán NN;
- Công báo;
- Cục KTVB (Bộ Tư pháp);
- Các DTQG khu vực;
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ TC;
- Lưu: VT, Cục DTQG.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Phạm Sỹ Danh



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QCVN 3: 2008/BTC

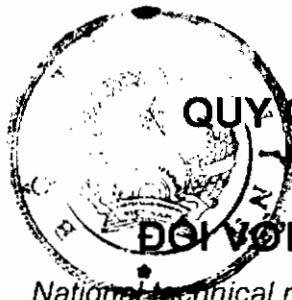
**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ DỰ TRỮ QUỐC GIA
ĐỐI VỚI NHÀ BẠT CỨU SINH LOẠI NHẹ**

*National technical regulation on national reserve of light
- type relief tents*

HÀ NỘI - 2008

Lời nói đầu

QCVN 3: 2008/BTC do *Trung tâm Khoa học bảo quản và Bồi dưỡng nghiệp vụ* biên soạn, Cục Dự trữ quốc gia trình duyệt và được ban hành theo Quyết định số 72/2008/QĐ-BTC ngày 03 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.



**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ DỰ TRỮ QUỐC GIA**

ĐỐI VỚI NHÀ BẠT CỨU SINH LOẠI NHẸ

National technical regulation on national reserve of light - type relief tents

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn này quy định các yêu cầu kỹ thuật, kiểm tra, giao nhận, vận chuyển và công tác quản lý đối với nhà bạt cứu sinh loại nhẹ nhập kho dự trữ quốc gia sử dụng để sinh hoạt tạm trú, tránh mưa, nắng trong các tình huống cứu hộ cứu nạn.

1.2. Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến việc quản lý; giao nhận và bảo quản nhà bạt cứu sinh loại nhẹ nhập kho dự trữ quốc gia.

1.3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chuẩn này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.3.1. Nhà bạt cứu sinh loại nhẹ

Loại nhà bạt có khối lượng toàn bộ nhẹ; cấu trúc lắp dựng tạm thời, cơ động. Nhà bạt không có vì kèo mái. Kết cấu chịu lực của nhà bạt bằng hệ thống các cột chống chính, xà, cột chống xung quanh, cọc ghim và dây néo. Nhà bạt có cửa đi đầu hồi; vách xung quanh có cửa sổ; mái nhà có cửa lấy ánh sáng; không có tấm trải sàn (*sau đây viết tắt là nhà bạt nhẹ*).

1.3.2. Lô nhà bạt nhẹ

Số lượng quy định nhà bạt nhẹ có cùng chủng loại, cùng các thông số kỹ thuật, được sản xuất từ cùng nguyên liệu, theo cùng một phương pháp, trong khoảng thời gian nhất định, được giao nhận cùng một lúc. Mỗi lô nhà bạt nhẹ giao nhận không lớn hơn 500 nhà bạt nhẹ.

1.3.3. Sản phẩm sai quy định

Các chi tiết của nhà bạt nhẹ không bảo đảm về kích thước, chất liệu chế tạo như quy định trong quy chuẩn. Bề mặt vỏ nhà bạt nhẹ có các vết thủng rách.

1.3.4. Sản phẩm lỗi

- Lớp tráng phủ chống thấm có các vết phồng rộp hoặc gợn sóng, các vết rạn nứt, gãy trên bề mặt; vỏ nhà bạt nhẹ bị loang màu hoặc giữa các tấm vải bị lệch màu quá hai cấp;

- Các cột chống bị cong võng lớn hơn 1 % theo chiều dài cột; khớp nối không chặt, khít; thép bị han rỉ và có khuyết tật trên bề mặt;

- Các chi tiết bằng gỗ bị nứt, vỡ;
- Dây néo không liền đoạn có mối nối;
- Kỹ thuật may không đảm bảo theo quy định tại điểm 2.1.3 mục 2 của Quy chuẩn này.

2. QUY ĐỊNH KỸ THUẬT

2.1. Yêu cầu kỹ thuật đối với nhà bạt nhẹ

2.1.1. Yêu cầu về thiết kế

2.1.1.1. Kiểu dáng

Nhà bạt nhẹ có kiểu dáng hình hộp, bốn vách đứng, mái nhà thiết kế dễ dàng thoát nước, có độ dốc tối thiểu 30°.

Nhà bạt nhẹ loại 60 m²: Có 02 cửa đi đầu hồi nhà, 12 cửa sổ hai bên vách dọc nhà, 02 cửa chớp lấy ánh sáng trên mái trước, sau nhà;

Nhà bạt nhẹ loại 24,5 m²: Có 01 cửa đi đầu hồi, 08 cửa sổ ở bốn vách nhà, 01 cửa chớp lấy ánh sáng trên mái trước;

Nhà bạt nhẹ loại 16,5 m²: Có 01 cửa đi đầu hồi, 08 cửa sổ ở bốn vách nhà, 01 cửa chớp lấy ánh sáng trên mái trước.

2.1.1.2. Kích thước hình học

Bảng 1: Thông số kỹ thuật của các loại nhà bạt nhẹ (kích thước tính bằng mm)

STT	Các thông số kỹ thuật	Loại nhà bạt nhẹ			Sai số cho phép
		60 m ²	24,5 m ²	16,5 m ²	
1	Kích thước dài x rộng nhà bạt nhẹ	9.800 x 6.200	4.950 x 4.950	4.070 x 4.070	±10
2	Chiều cao đỉnh nóc	3.600	3.200	2.900	±10
3	Chiều cao vách nhà	1.750	1.750	1.700	±10
4	Cửa ra vào (cao x rộng)	1.750 x 1.500	1.750x 1.400	1.700 x 1.200	±10
5	Cửa sổ (cao x rộng)	500 x 500	500 x 500	500 x 500	±10
6	Cửa chớp lấy ánh sáng trên mái (dài x rộng)	400 x 500	400 x 300	400 x 300	±10

2.1.1.3. Quy cách khung và phụ kiện

Quy cách khung và phụ kiện của các loại nhà bạt nhẹ được quy định tại phụ lục.

2.1.1.4. Khối lượng nhà bạt nhẹ

Nhà bạt nhẹ loại 60 m²: Khối lượng toàn bộ không lớn hơn 165 kg.

Nhà bạt nhẹ loại 24,5 m²: Khối lượng toàn bộ không lớn hơn 65 kg.

Nhà bạt nhẹ loại 16,5 m²: Khối lượng toàn bộ không lớn hơn 55 kg.

2.1.1.5. Khả năng lắp lẩn các chi tiết của nhà bạt nhẹ

Trong cùng chủng loại nhà bạt nhẹ, các chi tiết tách rời như cột chống, cọc ghim, dây néo phải đảm bảo khả năng lắp lẩn cao.

2.1.2. Yêu cầu về vật liệu làm nhà bạt nhẹ

2.1.2.1. Vải may vỏ là loại vải tráng phủ khối lượng nhẹ, màu xanh cỏ úa, có khả năng chống thấm nước tốt. Vật liệu tráng phủ bằng Polyvinylclorua (PVC) hoặc Polyurethane (PU). Vải nền bằng chất liệu Polyeste pha bông hoặc Polyeste 100%, phải đảm bảo các chỉ tiêu cơ lý quy định tại Bảng 2. Vải không có dư lượng hoá chất độc hại ảnh hưởng đến sức khoẻ con người. Hàm lượng *Polychlorophenol* (PCP) không lớn hơn 0,05 mg/kg vải; hàm lượng *Formaldehyt* không lớn hơn 75 mg/kg vải.

Bảng 2: Các chỉ tiêu cơ lý vải may vỏ nhà bạt nhẹ

STT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính	Mức giới hạn, yêu cầu
1	Khối lượng (g/m ²)	350 ± 10
2	Độ dày (mm)	Không nhỏ hơn 0,3
3	Độ bền kéo đứt (N/mm ²) • Dọc • Ngang	Không nhỏ hơn 95 Không nhỏ hơn 50
4	Độ giãn dài khi kéo đứt (%) • Dọc • Ngang	20 ÷ 35 30 ÷ 45
5	Độ bền uốn gấp, số lần gấp không nhỏ hơn 10.000 lần	Không nứt gãy
6	Độ bền kết dính (N/cm)	Không tách được
7	Độ bền xé rách khi chọc thủng bằng dây thép (N/mm) • Dọc • Ngang	Không nhỏ hơn 250 Không nhỏ hơn 250
8	Độ thấm nước một mặt (dưới áp suất 700 mm H ₂ O trong 60 phút) (mm cột H ₂ O)	Không thấm
9	Thử lão hoá nhiệt ở 70 ⁰ C trong 72 giờ	
9.1	Độ bền kéo đứt (N/mm ²) • Dọc • Ngang	Không nhỏ hơn 86 Không nhỏ hơn 45
9.2	Độ bền kết dính (N/cm)	Không tách được
9.3	Độ thấm nước một mặt (dưới áp suất 700 mm H ₂ O trong 60 phút) (mm cột H ₂ O)	Không thấm
10	Ngoại quan	Vải mềm, màu sắc đồng đều trên toàn bộ bề mặt và không bị biến màu sau thử lão hóa nhiệt; không có các khuyết tật: Phồng, bong rộp, gợn sóng; các vết rạn gãy nứt; tạp chất bám trên mặt vải.

2.1.2.2. Cột chống chính, cột chống xung quanh bằng thép ống tối thiểu CT3, không han rỉ, thủng, méo bẹp, các mối hàn nhẵn phẳng, liên tục, các khớp nối bảo đảm khít chặt.

Chân đế có mặt bích phía dưới để tăng độ vững chắc, cố định khi sử dụng. Toàn bộ ống và các chi tiết kim loại được sơn tĩnh điện cùng màu với màu của vỏ nhà bạt nhẹ.

2.1.2.3. Dây néo bằng Polyeste hoặc Polypropylen có đường kính 10 mm, cấu tạo dạng sợi cáp có màu cùng với màu của vỏ nhà bạt nhẹ, có độ bền màu cao. Dây néo không bị sờn, phải liền đoạn không có mối nối, có độ bền kéo đứt không được nhỏ hơn 10 N/mm².

2.1.2.4. Cũ căng dây néo làm bằng gỗ nhóm 4, không có giác và được ngâm tẩm chống mối mọt; được sơn cùng màu với màu vỏ nhà bạt nhẹ.

QCVN 3: 2008/BTC

2.1.2.5. Cọc ghim bằng thép được làm sạch và sơn cùng màu với màu của vỏ nhà bạt nhẹ.

2.1.2.6. Các phụ liệu may: Chỉ dùng may nhà bạt nhẹ là chỉ Polyeste Ne 30/3, các khuy cài cửa ra vào, cửa sổ bằng nhựa.

2.1.3. Kỹ thuật may liên kết vỏ nhà bạt nhẹ

2.1.3.1. Tất cả các chi tiết cắt dọc theo cạnh vải và được phép can ở thân. Không có các mảnh can nhỏ hơn 0,3 m. Vị trí các đường can trên thân phải đảm bảo mỹ thuật.

Phần vỏ được may ghép theo chiều dọc vải, các đường can chấp kích thước 15 mm, điều đê 12 mm đối với nhà bạt nhẹ loại 60 m²; và đường can chấp kích thước từ 12 mm đến 13 mm, điều đê 10 mm đối với nhà bạt nhẹ loại 24,5 m² và nhà bạt nhẹ loại 16,5 m².

2.1.3.2. Tất cả các đường chỉ may phải thẳng đều; mật độ ba mũi chỉ/1 cm; đường may không bị bỏ mũi chỉ, không sùi chỉ, không hở mũi kim may. Tất cả các điểm bắt đầu và kết thúc đường may phải được may lại mũi ba lần chồng khít nhau dài từ 20 mm đến 30 mm, cắt sạch các đầu chỉ thừa.

2.1.3.3. Các đường may can chấp ráp nối giữa hai mặt phẳng liên tiếp của mái nhà; đường giao tuyến giữa mái và thân nhà phải thẳng; mặt phía trong có một tấm vải ốp, bản rộng 10 mm may đê mí hai bên 2 mm.

- Đối với nhà bạt nhẹ loại 60 m², các cạnh từ đỉnh nóc xuống bốn góc mái bên trong tấm vải ốp có dây tăng cứng dọc suốt chiều dài, bằng loại sợi Polyeste và có đường kính 10 mm. Hai đầu dây trên và dưới liên kết với đầu cột chống chính và cột phụ góc khi lắp dựng.

- Đối với nhà bạt nhẹ loại 24,5 m² và nhà bạt nhẹ loại 16,5 m², các cạnh từ đỉnh nóc xuống bốn góc mái bên trong tấm vải ốp có dây tăng cứng dọc suốt chiều dài bằng dây Polyeste dệt bản rộng 40 mm.

2.1.3.4. Lỗ xuyên đầu cột chống xung quanh có dạng hình tròn xung quanh được tán ô-rê bằng kim loại hoặc thừa bằng dây chỉ đay. Hai mặt ô-rê tiếp xúc với vải bạt phải có tấm lót tránh han rỉ, không gây rách vải bạt và chống thấm nước.

2.1.3.5. Cửa đi, cửa sổ, cửa lấy ánh sáng trên mái

- Cửa đi: Là hai tấm vải riêng biệt có kích thước như nhau, mỗi tấm vải được may liền với thân nhà bạt nhẹ phía bên trong theo chiều rộng cửa đi; cửa đi mở ra bằng cách kéo về hai phía. Cửa đi được đóng mở bằng dây khuyết và chốt nhựa.

Phía ngoài cửa, sát mép đường chân mái có một tấm vải chắn mưa, nắng kích thước rộng từ 200 mm đến 250 mm, chiều dài lớn hơn chiều rộng cửa mỗi bên 150 mm. Tấm chắn mưa, nắng được may liền với vỏ nhà bạt nhẹ bằng một đường may dọc theo đường chân mái nhà.

- Cửa sổ: Mép trên cửa sổ cách đường chân mái 200 mm. Các mép cửa sổ có nẹp viền bằng vải bạt bản rộng 40 mm, mỗi góc cửa sổ được may đê một ke tam giác 30 mm x 30 mm. Hai chấn song bằng dây Polyeste dệt bản rộng 30 mm vuông góc với nhau. Cánh cửa sổ may gấp mép xung quanh 7 mm mở ra phía ngoài và cuộn lên phía trên, các góc và giữa hai cạnh dọc của cánh cửa gắn khuy cài bằng dây dù có đường kính 5 mm, ở các điểm tương ứng với khuy cài tại thân nhà gắn chốt nhựa để cài khi đóng nắp cửa sổ.

- Cửa lấy ánh sáng: Các mép ngoài xung quanh cửa có nẹp viền bằng vải bạt, bản rộng 40 mm. Tấm che cửa lấy ánh sáng bằng vải bạt, may gấp mép xung quanh có nẹp gỗ hoặc khung thép để đóng mở dễ dàng không bị tốc khi có gió mạnh; kích thước lớn hơn kích thước

cửa sổ từ 50 mm đến 70 mm mỗi chiều. Tấm che cửa lấy ánh sáng mở ra phía ngoài và cuộn lên phía trên bằng dây dù kéo.

2.1.3.6. Phần thân nhà bạt nhẹ tại các vị trí có cột chống phải có dây buộc để liên kết chắc chắn giữa vỏ nhà và cột chống khi lắp dựng.

2.1.3.7. Phần thân nhà bạt nhẹ tiếp đất có tấm chân gấu bằng vải tráng phủ chống thấm hai mặt, chiều rộng 350 mm đối với nhà bạt nhẹ loại 60 m², chiều rộng 250 mm đối với nhà bạt nhẹ loại 24,5 m² và nhà bạt nhẹ loại 16,5 m²; được may can chắp liền với thân nhà bạt nhẹ.

2.1.4. Chống thấm, dột nước mưa

2.1.4.1. Đường chỉ may liên kết các tấm vải

Tất cả các đường chỉ may trên mái nhà bạt nhẹ phải đảm bảo không thấm nước mưa khi sử dụng. Cho phép dùng keo chống thấm nhưng không được gây ảnh hưởng đến độ bền của vải bạt, chỉ may cũng như lớp tráng phủ trên bề mặt vải.

2.1.4.2. Chống dột các đầu cột chống

Phía trên các cột chống phải có mũ chụp chống dột may liền với phần vỏ nhà bạt nhẹ. Mũ chụp cùng loại vải may vỏ nhà bạt nhẹ phải đảm bảo che kín đầu cột và lỗ xuyên cột chống.

2.2. Yêu cầu về nhà kho

- Nhà bạt nhẹ cần được cất trữ ở những nơi thông thoáng, có mái che mưa nắng; đảm bảo khô ráo, sạch sẽ; tránh các tác động trực tiếp của tia cực tím và ánh nắng mặt trời.

- Nhà kho phải có trần chống nóng, có trang bị quạt hút tự nhiên trên mái kho. quạt thông gió trong kho sử dụng được khi cần thiết.

- Nhà kho phải có hệ thống chống chim, chuột, phòng trừ mối mọt; cách xa các nguồn dễ cháy nổ phải có phương tiện cứu hỏa, chống lụt bão theo quy định.

- Nền kho phẳng, cứng, chịu được tải trọng tối thiểu 3,0 tấn/m².

3. PHƯƠNG PHÁP THỬ

3.1. Lấy mẫu

Mẫu để xác định các chỉ tiêu cơ lý vải bạt quy định trong Quy chuẩn này được lấy theo TCVN 1749: 86 *Vải dệt thoi – Phương pháp lấy mẫu*.

3.2. Phương pháp thử

Các chỉ tiêu cơ lý của vải bạt quy định tại điểm 2.1.2 mục 2 của Quy chuẩn này được xác định theo các phương pháp sau:

- Khối lượng của vải bạt theo TCVN 4636: 88 *Phương pháp xác định khối lượng 1m² và độ dày*.

- Độ bền kéo đứt, độ giãn dài khi kéo đứt (dọc, ngang) theo TCVN 4535: 88 *Vật liệu giả da - Phương pháp xác định độ bền kéo đứt*.

- Độ bền uốn gấp theo TCVN 4637: 88 *Vật liệu giả da - Phương pháp xác định độ bền uốn gấp*.

QCVN 3: 2008/BTC

- Độ bền kết dính theo TCVN 4638: 88 *Vật liệu giả da - Phương pháp xác định độ bền kết dính.*

- Độ bền xé rách khi chọc thủng bằng dây thép theo TCVN 4639: 88 *Vật liệu giả da - Phương pháp xác định độ bền xé rách khi chọc thủng bằng dây thép.*

- Độ thấm nước theo ISO 811: 1993 *Vải dệt - Xác định chống thấm nước - Thử áp lực thủy tĩnh (Textile fabrics - Determination of resistance to water penetration - Hydrostatic pressure test).*

- Kiểm tra vật liệu vải may nhà bạt theo TCVN 5465: 1991 *Phương pháp xác định chất liệu.*

- Kiểm tra hàm lượng *Polychlorophenol* (PCP) theo EPA 604; Hàm lượng *Formaldehyt* theo TCVN 7421: 2004.

Kiểm tra, thử các chỉ tiêu cơ lý của vải may nhà bạt nhẹ, dây néo, dư lượng các chất độc hại cho sức khỏe con người trên vải tráng phủ do một trong các Phòng thí nghiệm phù hợp được công nhận (VILAS), có đủ năng lực, thiết bị thực hiện và cấp Phiếu kết quả.

4. THỦ TỤC GIAO NHẬN VÀ BẢO QUẢN NHÀ BẠT NHẸ

4.1. Vận chuyển

Trước khi xếp hàng lên xe hoặc đưa hàng xuống kê xếp vào kho phải chuẩn bị đầy đủ phương tiện, dụng cụ hướng dẫn cho người lao động, bảo đảm an toàn lao động, an toàn hàng hoá.

Nhà bạt nhẹ được vận chuyển trên các phương tiện có mui che mưa nắng. Trong khi vận chuyển phải chằng buộc cẩn thận, không được vận chuyển chung với các loại hoá chất và các chất dễ gây cháy nổ, bản gây ảnh hưởng đến chất lượng nhà bạt nhẹ.

4.2. Quy trình kiểm tra giao nhận nhập kho

4.2.1. Quy định chung

Nhà bạt nhẹ có phiếu kiểm tra thử nghiệm đầy đủ các chỉ tiêu cơ lý như quy định tại Bảng 2. Dây néo có phiếu kiểm tra thử nghiệm chất liệu dây và độ bền kéo đứt; phiếu kiểm tra dư lượng các chất độc hại cho sức khỏe con người trên vải tráng phủ đảm bảo theo quy định tại mục 2 của Quy chuẩn này. Phiếu kết quả kiểm tra thử nghiệm do một trong các Phòng thử nghiệm cấp (Phòng thử nghiệm được cơ quan có thẩm quyền Nhà nước Việt Nam cấp Chứng chỉ công nhận Phòng thử nghiệm VILAS. Trong trường hợp có chỉ tiêu cần kiểm tra mà không có Phòng thử nghiệm được công nhận Phòng thử nghiệm VILAS đáp ứng thì do một trong các Trung tâm kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng kiểm tra).

4.2.2. Kiểm tra hồ sơ

4.2.2.1. Đối với nhà bạt nhẹ sản xuất trong nước

Mỗi lô nhà bạt nhẹ nhập kho dự trữ quốc gia phải có đủ các tài liệu liên quan xác định về chất lượng nhà bạt. Các hồ sơ này phải là bản chính hợp pháp và bảo đảm tính thống nhất.

- Phiếu kiểm tra chất lượng của nhà sản xuất;

- Phiếu bảo hành chất lượng của nhà sản xuất, bao gồm: Các thông tin về thời hạn bảo hành, phạm vi bảo hành;

- Mỗi nhà bạt nhẹ kèm theo một bản kê chi tiết các phụ kiện kèm theo, để trong bao bì đựng vỏ nhà bạt nhẹ;

- Mỗi nhà bạt nhẹ kèm theo một tờ hướng dẫn các thao tác lắp dựng, sử dụng, vệ sinh và bảo quản sau sử dụng để trong bao bì đựng vỏ nhà bạt nhẹ đó.

4.2.2.2. Đối với nhà bạt nhẹ nhập khẩu

- Giấy xác nhận xuất xứ hàng hóa, xác định rõ nguồn gốc lô nhà bạt do phòng Thương mại và Công nghiệp nước sản xuất hoặc lắp ráp loại nhà bạt nhẹ đó cung cấp;

- Giấy chứng nhận chất lượng, biên bản thử điển hình lô nhà bạt và biên bản thử xuất xưởng từng loại nhà bạt nhẹ của nhà chế tạo hoặc lắp ráp. Số lượng nhà bạt nhẹ được tiến hành thử xuất xưởng do thỏa thuận giữa bên mua và nhà cung cấp;

- Bản kê chi tiết các phụ kiện kèm theo từng nhà bạt nhẹ của nhà sản xuất;

- Phiếu bảo hành nhà bạt nhẹ bao gồm: Các thông tin về quyền lợi, phạm vi và địa chỉ của đơn vị được ủy quyền cung cấp dịch vụ bảo hành có ở trong nước;

- Tài liệu kỹ thuật về cấu tạo, tài liệu hướng dẫn sử dụng, vận hành và bảo dưỡng kèm theo từng nhà bạt nhẹ. Ngoài tài liệu của nhà sản xuất, đơn vị bán hàng có trách nhiệm cung cấp thêm một bản dịch tiếng Việt.

4.2.3. Kiểm tra nhà bạt nhẹ khi giao nhận

4.2.3.1. Kiểm tra ngoại quan

Số nhà bạt nhẹ được kiểm tra ngoại quan trong quá trình giao nhận tối thiểu là 5 %. Nội dung kiểm tra gồm:

4.2.3.1.1. Kiểm tra số lượng

Số lượng nhà bạt nhẹ trong mỗi lô hàng phải phù hợp với số lượng nhà bạt nhẹ ghi trong biên bản kiểm tra. Tổng số nhà bạt nhẹ giao nhận đúng với số lượng trong hợp đồng đã ký.

4.2.3.1.2. Kiểm tra nhãn nhà bạt nhẹ

Nhãn nhà bạt nhẹ phải được ghi một cách rõ ràng, bền vững trên bao bì.

4.2.3.1.2.1. Nhãn của nhà bạt nhẹ sản xuất trong nước tối thiểu phải bao gồm

- Tên sản phẩm;
- Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất;
- Loại nhà bạt nhẹ... m²;
- Ngày, tháng, năm sản xuất (hoặc seri).

4.2.3.1.2.2. Nhãn của nhà bạt nhẹ nhập khẩu tối thiểu phải bao gồm

- Tên sản phẩm và xuất xứ hàng hóa;
- Tên, địa chỉ của nhà nhập khẩu và phân phối;
- Loại nhà bạt nhẹ...m²;
- Ngày, tháng, năm sản xuất (hoặc seri).

4.2.3.1.3. Kiểm tra vỏ nhà bạt nhẹ

- Vải may vỏ nhà bạt nhẹ không có khuyết tật, kỹ thuật may theo quy định tại mục 2 của Quy chuẩn này;

- Khi kiểm tra phần vỏ nhà bạt nhẹ, nếu phát hiện có ít nhất một vỏ nhà bạt nhẹ sai quy định, nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp có trách nhiệm thay thế vỏ nhà bạt nhẹ khác đảm bảo chất lượng. Đồng thời, tiến hành kiểm tra thêm 5 % số vỏ nhà bạt nhẹ tiếp theo. Nếu sau hai lần liên tiếp kiểm tra thêm đều có ít nhất một vỏ nhà bạt nhẹ sai quy định; đơn vị nhập hàng lập biên bản hủy kết quả kiểm tra, yêu cầu nhà sản xuất kiểm tra lại 100 % số lượng vỏ nhà bạt nhẹ đến khi xác định chất lượng đạt yêu cầu sẽ báo đơn vị nhập hàng để nghiệm thu lại;

4.2.3.1.4. Kiểm tra các cột chống chính, cột chống xung quanh, cọc ghim, dây néo và các phụ kiện khác bảo đảm yêu cầu về chất lượng theo quy định tại mục 2 của Quy chuẩn này.

4.2.3.1.5. Kiểm tra bao gói

Nhà bạt nhẹ được đóng thành kiện trong các bao bì.

- Nhà bạt nhẹ loại 60 m² đóng thành bốn kiện: Một kiện đựng vỏ nhà bạt nhẹ, một kiện đựng xà ngang, cột chống chính; một kiện đựng cột chống xung quanh và một kiện đựng cọc ghim và các phụ kiện.

- Nhà bạt nhẹ loại 24,5 m² và nhà bạt nhẹ loại 16,5 m² được đóng thành hai kiện: Một kiện đựng vỏ nhà bạt nhẹ, một kiện đựng cột chống, cọc ghim và các phụ kiện.

Bao bì làm bằng vải bạt loại dày và có độ bền tốt.

4.2.3.2. Kiểm tra lắp dựng

Trong số nhà bạt nhẹ lấy ra kiểm tra ngoại quan lấy bất kỳ 10 %, nhưng không ít hơn 01 nhà bạt nhẹ, tiến hành lắp dựng kiểm tra các nội dung sau:

- Các kích thước hình học: Chiều cao đỉnh nóc, chiều cao vách, kích thước cửa đi, cửa sổ, cửa chớp lấy ánh sáng phải đảm bảo đúng theo quy định tại mục 2 Quy chuẩn này;

- Kiểm tra số lượng các chi tiết được may gắn kèm với vỏ nhà bạt, bao gồm: Mũ chụp chống dột đầu cột chống, cửa đi, cửa sổ và cửa chớp lấy ánh sáng.

Toàn bộ nhà bạt nhẹ sau khi lắp dựng hoàn chỉnh kích thước từ đỉnh nóc xuống các góc mái phải bằng nhau, bốn mặt mái và cạnh nhà phải phẳng, bảo đảm độ vững chắc, ổn định.

4.2.3.3. Kiểm tra các chỉ tiêu cơ lý vỏ nhà bạt nhẹ

Trong 5 % nhà bạt nhẹ được lấy để kiểm tra ngoại quan lấy ngẫu nhiên 10 % số nhà bạt nhẹ để tách lấy mẫu vải bạt đưa đi kiểm tra các chỉ tiêu cơ lý, tối thiểu là 01 mẫu.

4.3. Bảo quản

4.3.1. Sắp đặt, kê xếp nhà bạt nhẹ trong kho

4.3.1.1. Yêu cầu sắp đặt

Giá để kiện vỏ nhà bạt nhẹ được sắp đặt theo mặt bằng của nhà kho, song phải đảm bảo nguyên tắc cách tường, cách cột tối thiểu 0,5 m. Giữa hai hàng giá cách nhau tối thiểu 1,5 m.

Các kiện vỏ nhà bạt nhẹ được xếp trên các ngăn giá được lót ván phẳng. Giá kê hàng phải đảm bảo trơn nhẵn, không có cạnh sắc gây xước, rách vải bạt.

4.3.1.2. Yêu cầu kê xếp

4.3.1.2.1. Vỏ nhà bạt nhẹ

- Kiện vỏ nhà bạt nhẹ loại 60 m² không xếp cao hơn 02 lớp;

- Kiện vỏ nhà bạt nhẹ loại 24,5 m² và kiện vỏ nhà bạt nhẹ loại 16,5 m² không xếp cao hơn 03 lớp.

Khi xếp phải tạo các khe thoáng giữa các kiện vỏ nhà bạt, không để sát các kiện hàng vào khung giá bằng thép.

4.3.1.2.2. Cột nhà bạt nhẹ và các phụ kiện

Cột và các phụ kiện nhà bạt được xếp thành từng lô, các lô hàng cách tường tối thiểu 0,5 m, giữa các lô cách nhau tối thiểu 1,5 m.

4.3.2. Thẻ lô hàng

Mỗi lô hàng trong kho có đính 1 thẻ ghi nội dung sau:

- Ký hiệu sản phẩm;
- Quy cách;
- Tên cơ sở sản xuất, địa chỉ;
- Ngày sản xuất;
- Số lượng;
- Ngày nhập kho.

4.3.3. Công tác bảo quản định kỳ

Hàng ngày phải kiểm tra về số lượng, chất lượng để kịp thời phát hiện và xử lý các vấn đề: Kho dột, chuột, mối mọt gây ra.

Hai tuần một lần làm vệ sinh sạch bụi bẩn, mạng nhện xung quanh khu vực giá kê hàng, mặt ngoài từng kiện vỏ nhà bạt nhẹ.

Ba tháng một lần đảo các kiện vỏ nhà bạt nhẹ trên xuống dưới, mặt dưới lên trên. Đảo hàng giá trên xuống, dưới lên.

Sáu tháng một lần toàn bộ dây néo được đem ra hong tại nơi thoáng mát bên ngoài kho. Giở toàn bộ các kiện vỏ nhà bạt nhẹ ra phơi nắng khoảng hai giờ (phơi mặt vải nền ra nắng) dùng giẻ mềm hoặc máy hút bụi làm khô, sạch bụi toàn bộ cả hai mặt vải. Sau khi hoàn tất, vỏ nhà bạt nhẹ được gấp để đường gấp không trùng với các đường gấp cũ, mặt vải nền quay ra ngoài.

Sáu tháng một lần kiểm tra cột chống chính, xà, cột chống xung quanh, cọc ghim lau sạch các bụi bẩn, tẩy sạch rỉ các chỗ cục bộ, sơn lại như cũ. Các khớp nối được tra dầu mỡ chống rỉ.

4.4. Xuất hàng

4.4.1. Khi có lệnh xuất hàng, thủ kho phải chuẩn bị đủ sổ sách, giấy tờ có liên quan và nhân lực bốc xếp.

4.4.2. Kiểm tra chất lượng, số lượng hàng dự kiến xuất.

4.4.3. Xuất hàng theo nguyên tắc: Hàng nhập trước xuất trước, hàng nhập sau xuất sau, xuất gọn từng lô hàng.

4.4.4. Xuất đúng số lượng, đúng chủng loại.

4.4.5. Khi xuất hàng xong phải hoàn chỉnh các thủ tục, chứng từ giao nhận theo đúng quy định.

4.5. Chế độ ghi chép sổ sách theo dõi hàng hóa

4.5.1. Lập thẻ kho

Mỗi loại nhà bạt nhẹ được lập một thẻ kho ghi rõ đầy đủ các nội dung: Tên hàng hóa, kiểu loại, nơi sản xuất (đơn vị chế tạo), số lượng, chất lượng, ngày tháng nhập kho và đủ chữ ký, con dấu đáp ứng thủ tục hành chính và chế độ kế toán quy định hiện hành.

Thẻ kho được để trong hộp tài liệu, trong kho hàng. Nếu có nhiều kiểu loại sản phẩm thì

QCVN 3: 2008/BTC

cần lập thêm thẻ kho phụ treo tại lô hàng với nội dung như thẻ kho chính, chỉ khác về số lượng hàng hóa.

4.5.2. Sổ bảo quản

Dùng ghi chép hàng ngày hoặc đột xuất về tình hình công tác bảo quản hàng hóa, diễn biến về số lượng, chất lượng. Sổ phải đóng dấu giáp lai, ghi đủ các nội dung theo mẫu, có đủ các thành phần ký tên và đóng dấu đơn vị.

5. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

5.1. Nhà bạt nhẹ sản xuất trong nước

Nhà bạt nhẹ sản xuất trong nước phải được chứng nhận phù hợp với quy định tại mục 2 của Quy chuẩn này theo phương thức thử nghiệm mẫu điển hình và đánh giá quá trình sản xuất; giám sát thông qua thử nghiệm mẫu lấy tại nơi sản xuất kết hợp với đánh giá quá trình sản xuất. Nhà bạt nhẹ sản xuất trong nước phải được gắn dấu hợp quy.

5.2. Nhà bạt nhẹ nhập khẩu

5.2.1. Nhà bạt nhẹ nhập khẩu phải được kiểm tra Nhà nước về chất lượng theo các chỉ tiêu quy định tại mục 2 của Quy chuẩn này.

5.2.2. Việc kiểm tra nhà bạt nhẹ nhập khẩu được thực hiện theo một trong hai phương thức sau:

- Thử nghiệm đánh giá lô hàng hóa và được in hoặc dán tem đạt chất lượng nhập khẩu do cơ quan kiểm tra phát hành.

- Sử dụng kết quả giám định hoặc chứng nhận lô hàng của tổ chức chứng nhận nước ngoài được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thừa nhận; được in hoặc dán tem đạt chất lượng nhập khẩu do cơ quan kiểm tra phát hành.

5.3. Thời gian từ khi sản xuất nhà bạt nhẹ đến khi nhập kho dự trữ quốc gia

Không lớn hơn 6 tháng (kể cả thời gian vận chuyển).

5.4. Thời gian lưu kho

Trong điều kiện nhiệt độ và độ ẩm bình thường (nhiệt độ $T_{max} \leq 35$ °C, độ ẩm $R_{max} \leq 85$ %) thời gian bảo quản nhà bạt nhẹ nhập kho dự trữ quốc gia không lớn hơn 4 năm.

6. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

6.1. Tổ chức, cá nhân sản xuất nhà bạt nhẹ nhập kho dự trữ quốc gia phải công bố nhà bạt nhẹ phù hợp với quy định tại mục 2 của Quy chuẩn này và đảm bảo chất lượng theo đúng nội dung công bố.

6.2. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu nhà bạt nhẹ nhập kho dự trữ quốc gia phải chịu sự kiểm tra Nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại mục 2 của Quy chuẩn này.

6.3. Các nhà sản xuất và nhập khẩu phải chịu trách nhiệm theo các quy định sau:

- Nhà bạt nhẹ nhập kho dự trữ quốc gia yêu cầu bảo hành 24 tháng cho toàn bộ sản phẩm tính từ thời điểm giao nhận.

- Trong 24 tháng đầu bảo quản trong điều kiện tuân thủ các quy định về vận chuyển, các chỉ dẫn khác có liên quan của nhà sản xuất và được bảo quản theo điều kiện quy định. Trước thời gian hết hạn bảo hành lấy ngẫu nhiên 1 % vỏ nhà bạt nhẹ nhưng không ít hơn một chiếc trong lô hàng (mỗi vỏ bạt lấy ít nhất 1 m² ở cửa đi của nhà bạt) để thử các chỉ tiêu cơ lý theo quy định ở Bảng 2; nếu các chỉ tiêu cơ lý lớn hơn hoặc bằng 85 % so với ban đầu là đạt yêu cầu, nếu không đạt yêu cầu thì nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp có trách nhiệm thay thế vỏ nhà bạt nhẹ mới đảm bảo chất lượng.

6.4. Dự trữ quốc gia khu vực, các cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực dự trữ quốc gia thực hiện việc đảm bảo chất lượng của nhà bạt nhẹ theo các quy định tại mục 2 của Quy chuẩn này.

7. TÓ CHỨC THỰC HIỆN

7.1. Cục Dự trữ quốc gia có trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quy chuẩn này.

7.2. Trong trường hợp các tiêu chuẩn, hướng dẫn quy định tại Quy chuẩn này có sự thay đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

PHỤ LỤC

Quy cách khung và phụ kiện của nhà bạt nhẹ

T T	QUY CÁCH KẾT CẤU	Loại nhà bạt nhẹ						Ghi chú
		60 m ²		24,5 m ²		16,5 m ²		
		Kích thước (mm)	Số lượng (chiếc)	Kích thước (mm)	Số lượng (chiếc)	Kích thước (mm)	Số lượng (chiếc)	
1	Cột chống chính (Thép ống)	3.690 (φ 76; δ 1,4)	02	3.265 (φ 38; δ 1,2)	01	2.965 (φ 38; δ 1,2)	01	
2	Xà ngang (Thép ống)	3.600 (*) (φ 76; δ 1,4)	01					
3	Cột chống xung quanh (Thép ống)	1750 (*) (φ 35; δ 1,0)	22	1750 (*) (φ 28; δ 1,0)	12	1700 (*) (φ 28; δ 1,0)	09	
4	Cọc ghim căng dây néo (thép góc đều cạnh)**)	L 50x50x3x550	22	L 40x40x3x400	12	L 40x40x3x400	09	
5	Dây néo (Polyeste hoặc Polypropylen)	3500 (φ 10)	22	3500 (φ 10)	12	3500 (φ 10)	09	
6	Néo căng dây (Gỗ nhóm 4)	180x38 x26	22	140x28x20	12	140x28x20	09	

Ghi chú: (*) Kích thước này không tính phần đỉnh mũ gia công.

(**) Có thể thay thế bằng thép ống tròn có độ bền và diện tích tiếp xúc với đất tương đương.